

Triết lý phát triển xã hội của Hồ Chí Minh, một triết lý nhân sinh và hành động - Giá trị và ý nghĩa thời đại

Hoàng Chí Bảo (*)

Tóm tắt: Nội dung bài viết luận giải và khẳng định những giá trị tinh thần và có ý nghĩa cải tạo thực tiễn sâu sắc trong triết lý phát triển xã hội của Hồ Chí Minh - một triết lý nhân sinh và hành động mang giá trị và ý nghĩa thời đại có sự gắn kết hữu cơ và toàn diện, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Marx-Lenin vào điều kiện cụ thể của nước ta và là sự kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Quan điểm đó, triết lý đó lấy thực tiễn cuộc sống làm điểm xuất phát, lấy giải phóng và phát triển con người làm mục tiêu. Với Hồ Chí Minh, xây dựng chủ nghĩa xã hội không chỉ gắn liền với độc lập dân tộc, mà còn là con đường, phương thức để giữ vững độc lập dân tộc, thực hiện dân sinh và an sinh xã hội.

Từ khóa: Triết lý Hồ Chí Minh, Triết lý phát triển, Triết lý nhân sinh, Chủ nghĩa xã hội, Dân chủ

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh có vốn sống và kinh nghiệm vô cùng phong phú trong trường đời hoạt động cách mạng, trong tiếp xúc với mọi người thuộc mọi giai tầng, mọi tầng lớp, mọi đối tượng, không chỉ với đồng bào mình và nước mình mà còn đối với các dân tộc khác, các nước khác nên *triết lý Hồ Chí Minh phong phú, sâu sắc và tinh tế*. Có thể nói, triết lý là một hình thức độc đáo và nổi bật trong sự biểu đạt tư tưởng Hồ Chí Minh. Mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đều được Người chú trọng như nhau, ngang nhau, không xem nhẹ một lĩnh

vực nào, hơn nữa triết lý của Người thấm vào các lĩnh vực đó, được *lý luận hóa*, thành tư tưởng triết học, đặc biệt là triết học nhân sinh. Trong hoạt động và trong ứng xử của con người, Hồ Chí Minh chú trọng tới các quan hệ, các lớp quan hệ - với tự mình, với người, với việc, với đoàn thể. Thông qua các mối quan hệ đó, Người chú trọng tới triết lý của nó và về nó.

Cách mạng là vấn đề lớn lao, hệ trọng, được các nhà tư tưởng lý luận xác lập thành học thuyết. Vậy mà Hồ Chí Minh đề cập tới tư tưởng cách mạng một cách dung dị, giản dị hóa nó thành ra triết lý. Người nói cách mạng là phá cái cũ lạc hậu, lỗi thời, đổi ra cái mới tốt

(*) GS.TS., Chuyên gia cao cấp, Hội đồng Lý luận Trung ương.

tươi, tiến bộ. Quan niệm hay định nghĩa ấy mang tính triết lý. Người còn nói, muốn cách mạng trong xã hội, trước hết phải cách mạng chính bản thân mình đã. Đó là một triết lý.

Ngày nay, Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc Đổi mới, việc vận dụng triết lý của Người trở nên cần thiết, có ý nghĩa sâu sắc không chỉ đối với hiện tại mà còn đối với sự phát triển trong tương lai.

Trong Di chúc, Người căn dặn các thế hệ sau, xây dựng đất nước sau chiến tranh có nhiều việc phải làm, phải có chương trình, kế hoạch thật cụ thể, chu đáo, phải chủ động, tránh rơi vào bị động, thiếu sót, sai lầm. Người nhấn mạnh, *trước hết nói về Đảng, trong Đảng phải giữ gìn sự đoàn kết thống nhất như giữ gìn con người của mắt mình. Công việc đầu tiên là công việc với con người*. Người quan tâm tới cuộc sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tới các tầng lớp, các đối tượng, các thế hệ, không sót một ai. Và đây cũng là triết lý của Người. Tình thương yêu của Người với dân, với Đảng càng thể hiện triết lý của Người là một triết lý phát triển xã hội, triết lý nhân sinh và hành động. Đó là triết lý sống vì dân.

Người hình dung những công việc phải làm, tức là thực hiện đổi mới toàn diện các lĩnh vực như chúng ta nói hiện nay, đó thực sự là một cuộc chiến đấu khổng lồ giữa những cái mới mẻ, tốt tươi, tiến bộ với những cái cũ kỹ, lỗi thời, lạc hậu, những cái xấu xa, hư hỏng. Phải động viên sức dân, tập hợp lực lượng nhân dân, tổ chức các phong trào của dân để thực hiện. Đó là sự nghiệp của toàn dân. Cán bộ đảng viên phải tiên phong, gương mẫu để dân noi theo. Theo đó, *Đảng phải tự đổi mới chính mình để thúc đẩy đổi mới xã hội*. Đó là điều cần thiết, thiết thực nhất tỏ

rõ Đảng vận dụng, thực hành triết lý Hồ Chí Minh.

Là một nhà tư tưởng có tư tưởng cách tân, có đầu óc độc lập tự chủ và sáng tạo, Người nhạy cảm với cái mới và nỗ lực đổi mới, từ đổi mới tư duy đến đổi mới hành động, *nghĩ mới để làm mới*. Chú trọng tới phương pháp, coi trọng tính thiết thực và hiệu quả nên Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh tới *cách nghĩ* (phương pháp tư duy) và *cách làm* (phương pháp hành động). Để đổi mới, để đạt được tiến bộ và phát triển phải vượt qua cái cũ lạc hậu, lỗi thời và vươn tới cái mới tiên tiến, tích cực. Xử lý mối quan hệ giữa cũ và mới một cách *biện chứng*, Người ý thức rõ sự cần thiết phải kế thừa trên tinh thần phê phán. Chọn lọc từ cái cũ những gì còn đúng đắn, hợp lý, còn có ích để xây dựng cái mới thì giữ lại, cải biến và phát huy, những gì tỏ ra không còn phù hợp, thậm chí đã quá thời, cản trở sự phát triển thì phải loại bỏ, loại bỏ. Cái mới cũng vậy. Chỉ cái mới nào thực sự là tích cực, thúc đẩy tiến bộ và phát triển mới theo đuổi và áp dụng. Phân biệt rõ ràng, chính xác giữa *thực* và *giả* trong những hiện tượng, sự vật, sự kiện gọi là mới để ứng xử và hành động cho đúng, đó là điều không đơn giản. Bằng quan sát và phân tích, Người đã từ hiện tượng mà nhận ra bản chất, nói như Marx, biết phân biệt những hiện tượng phản ánh đúng bản chất và những *giả tượng* xuyên tạc bản chất. Dựa vào đâu để nhận rõ điều đó? Đó chính là thực tiễn, thực tế đời sống hàng ngày, ở đây là cuộc sống của người dân. Đòi hỏi của cuộc sống và tiếng nói của người dân luôn luôn là những sở cứ vững chắc nhất giúp cho tư duy đúng và hành động đúng. Phương pháp Hồ Chí Minh là như vậy, đó cũng là tư tưởng, là quan điểm tư tưởng của

Người - quan điểm thực tiễn, quan điểm phát triển.

Người cũng ý thức sâu sắc rằng, theo đuổi một cái mới tiến bộ và từ bỏ một cái cũ lạc hậu, đó là cả một cuộc đấu tranh phức tạp, nhất là trong tâm lý, ý thức con người, bởi nó đụng chạm tới nhận thức và thói quen.

Lenin đã từng nói, thói quen là điều đáng sợ nhất. Những thói quen xấu, Hồ Chí Minh gọi là một kẻ địch, nếu không *tự vượt qua, tự đánh thắng* thì không thể phát triển được. Đấu tranh cho cái mới thắng lợi là một cuộc đấu tranh rất gian nan, khó nhọc, không chỉ cần có động cơ, mục đích đúng, có ý chí và nghị lực mà còn cần đến đức tin, niềm tin khoa học, tình cảm cách mạng trong sáng và phương pháp sáng tạo.

Qua hoạt động thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Hồ Chí Minh đã thể nghiệm trực tiếp trong đấu tranh, đã trải nghiệm từ chính cuộc sống, từ sự dẫn thân của mình trong phong trào cách mạng để tìm ra và chứng thực chân lý. Vượt qua biết bao thử thách, sóng gió, vượt qua những hiểm nguy, cả những éo le trắc trở, Người đã giữ vững niềm tin, kiên trì hướng đi, bền bỉ thực hành lý tưởng. Nhờ đó, những trải nghiệm, chiêm nghiệm của Người được đúc kết lại thành triết lý có ý nghĩa sâu sắc về nhiều mặt. Đó là ý nghĩa đối với sự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và thực hành lối sống của cá nhân. Đó còn là ý nghĩa đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, đối với công cuộc đổi mới và phát triển hiện nay.

Người đã từng nói, thói quen rất khó đổi. Cái tốt mà lạ, người ta có thể cho là xấu. Cái xấu mà quen người ta cho là thường (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1995, Tập 5, tr.107).

Do đó, thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to. Nó ngấm ngấm ngăn trở cách mạng tiến bộ, chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 9, tr.287).

Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 8, tr.493).

Đối với Việt Nam, con đường giải phóng để phát triển là con đường độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Đi tới đích trên con đường đó, Người nhận rõ, xây dựng CNXH không thể một sớm một chiều. Đó là cả một công tác *tổ chức* và *giáo dục* (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 8, tr.228).

Như vậy, triết lý Hồ Chí Minh, triết lý nhân sinh và hành động vì dân, thực chất là một *triết lý phát triển*. Giải phóng để thực hiện phát triển, mà phát triển vì cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn, vì mỗi một người dân của dân tộc Việt Nam, cũng vì tất cả mọi người trên trái đất, vì nhân loại.

Chữ DÂN là điểm quy tụ tất cả mọi suy tư, mọi hành động trong sự nghiệp Hồ Chí Minh, là tất cả trong cuộc đời Hồ Chí Minh. Trong ngôn ngữ của Người, trong bảng từ vựng của Người, chữ DÂN được sử dụng nhiều nhất, có tần số lớn nhất. Người nhắc tới *đạo làm người*, Người tìm thấy *Đường cách mạng* cũng là để vạch ra chương trình hành động vì dân. Bởi thế, Người dành trọn cuộc đời và sự nghiệp để thực hành triết lý *thân dân* và *chính tâm*, vừa noi theo đạo thánh hiền, vừa nâng cao lên, vươn tới tầm thời đại và hiện đại, đem vào triết lý truyền thống đó một trình độ phát

triển mới thành ra một chất lượng nhảy vọt mới - *triết lý Dân chủ và Đạo đức cách mạng, của Đảng cách mạng và mỗi người cách mạng*.

Triết lý phát triển xã hội, triết lý nhân sinh và hành động của Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh - một chủ nghĩa nhân văn cộng sản. Người cộng sản Hồ Chí Minh đồng thời là nhà nhân văn chủ nghĩa trên lập trường cách mạng cộng sản, thể hiện sâu sắc tinh thần dân tộc, truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc, nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại, giữa dân tộc với nhân loại.

Trong triết lý Hồ Chí Minh, Người không chỉ nhấn mạnh chữ *dân* mà còn chú trọng chữ *nhân*, đặc biệt đề cao tư tưởng “nhân hòa”, coi *nhân hòa là gốc*, là quan trọng nhất, quyết định nhất trong mối liên hệ khăng khít với “Thiên thời” và “Địa lợi”, hợp thành một chỉnh thể: Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa.

Khi đề cập tới “Nhân” và “Dân”, Người thấy ở đó cả đạo đức, đó là nhân nghĩa và nhân ái, là khoan hòa, độ lượng, là tình yêu và tình thương, là điều thiện, sự lương thiện, nhân tính - cả *tính người* (tính cách) và *tình người* (đã là người thì dù xấu, tốt, văn minh hay dã man, xét ra đều có tình). Chiều sâu nhân bản, nhân đạo và nhân văn ấy không phải ở đời ai cũng nhìn thấy và nhận ra. Hồ Chí Minh - con người rất mực nhân tình *đã thấy rất sâu để nhận ra rất rõ* cái bản chất ấy của con người. Đó là phẩm chất của *bậc minh triết* ở nhà hiền triết, cốt cách Á Đông và bản sắc Việt Nam.

Triết lý Hồ Chí Minh *nổi bật* tính chất và nội dung *đạo đức* bởi Người không chỉ nhấn mạnh “Nhân” với tư cách con người mà còn là đạo đức, là con

người đạo đức, là đạo Nhân - đạo làm người, trong đó có *đạo làm tướng*. Người xác định bảng giá trị đạo đức: Nhân - Trí - Dũng - Liêm - Trung với nội dung chuẩn mực của đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Trong triết lý ấy, ngoài chữ Nhân còn có chữ Dân, được tiếp cận từ lợi ích và quyền lực, từ vai trò và địa vị của dân trong tư cách chủ thể. Dân là gốc, gốc của nước, gốc của chế độ, của giang sơn, xã tắc, của quốc gia - dân tộc, của thế giới nhân loại. Sức mạnh sâu xa, bản chất của dân là sức mạnh của *người chủ và làm chủ*, là tự do chứ không cam chịu làm nô lệ. Bởi thế, trong triết lý Hồ Chí Minh, Dân chủ, làm chủ là điều hệ trọng, cao cả, là động lực của phát triển, tiến bộ, là đảm bảo cho sự bền vững không chỉ đối với chính thể, với chủ thể cầm quyền mà còn đối với dân tộc, rộng ra với cả thế giới nhân loại. Sự nối liền không thể tách rời giữa NHÂN và DÂN cũng là thể thống nhất hữu cơ giữa con người cá thể với cộng đồng xã hội, giữa đạo đức và chính trị, giữa kinh tế với chính trị, với văn hóa, trong đó có cốt lõi Đạo đức.

Bởi thế, Hồ Chí Minh không chỉ nói nhân dân mà còn nói quần chúng, đồng bào, nói dân tộc mà cũng nói nhân loại.

Trên phương diện con người và nhân cách, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi *đức là gốc*. Đức ấy chính là lòng nhân, sự nhân từ bác ái, độ lượng, vị tha. Trên phương diện chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi dân và địa vị làm chủ của dân là cao nhất, quý nhất và sức mạnh đoàn kết của dân là sức mạnh to lớn, quyết định nhất: trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trên thế giới không gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân và dân chủ là của quý báu nhất trên đời của dân (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1987, Tập 7, tr.544-548).

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1995, Tập 5, tr.698).

Một nền chính trị dân chủ, biết tôn trọng, đề cao địa vị, vai trò của dân, biết thực hiện lợi ích vì dân, biết bảo vệ quyền làm chủ của dân thì luật pháp của Nhà nước phải thể hiện được ý chí của dân, đáp ứng lợi ích và nguyện vọng của dân, do đó phải *trọng dân* và *trọng pháp*. Một nền chính trị như thế là chính trị dân chủ, nhân nghĩa, đạo đức.

Thuận theo lòng dân, không làm trái ý dân, đó là đòi hỏi đạo đức của chính trị, đối với việc cầm quyền.

Thấu hiểu điều đó, Hồ Chí Minh và triết lý Hồ Chí Minh chủ trương đưa đoàn kết và thanh khiết vào những chuẩn mực của chính trị. Có những đảm bảo đạo đức như thế cho chính trị thì mới tránh được nguy cơ tha hóa quyền lực, mới làm cho việc chính sự và hoạt động tham chính thực hiện được triết lý nhân sinh và hành động vì dân. Đó là điểm sâu sắc và tinh tế trong tư tưởng cũng như trong triết lý Hồ Chí Minh.

2. Để hình thành và thực hành triết lý ấy, Hồ Chí Minh đã nghiên ngẫm rất sâu từ những tinh hoa tư tưởng, văn hóa trong di sản của nhiều thời đại, từ nhiều ngọn nguồn cũng như tổng kết từ thực tiễn đời sống xã hội, từ những trải nghiệm của chính mình. Triết lý Hồ Chí Minh có sự kế thừa, chọn lọc từ những điểm tinh túy, những chỉ dẫn sâu sắc của Phật giáo, của Kinh dịch, của tư tưởng phương Đông nói chung cũng như của văn hóa phương Tây... thông qua năng lực sáng tạo, bản lĩnh văn hóa của Người.

Theo Hồ Chí Minh, Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn. Đức Phật

phải hy sinh tranh đấu diệt lũ ác ma (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1995, Tập 5, tr.197). Thấy rõ đạo đức cao cả của Phật giáo, lý tưởng xã hội thấm sâu chất nhân văn vì con người, nhân lễ Phật Đản, Người nói với đồng bào, trong đó có các phật tử rằng, tôn chỉ, mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui, no ấm (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 8, tr.290). Điều ấy cũng giống, cũng phù hợp với mục đích của cách mạng. Các bậc chân tu - những đại đức, hòa thượng cũng như các linh mục trong đạo Thiên Chúa dốc lòng chăm sóc phần hồn cho các giáo dân, những người cách mạng làm cách mạng để giải phóng cho dân ra khỏi ách áp bức thống trị của đế quốc thực dân, lo giành lấy độc lập để dân có tự do, lo phát triển sản xuất, kinh tế để dân được sống no ấm, yên vui, hạnh phúc. Phần xác có no đủ thì phần hồn mới thông dong được. Đức tin tôn giáo và đạo đức tôn giáo mang giá trị và ý nghĩa văn hóa. Bởi vậy đạo pháp đồng hành cùng dân tộc, trong đấu tranh cách mạng và hành trình tới chủ nghĩa xã hội. Đẹp đời tốt đạo là một sự hài hòa, hữu ích cho phát triển.

Trong thư gửi Hội nghị đại biểu Phật giáo năm 1964, Hồ Chí Minh viết: Đồng bào Phật giáo cả nước, từ Bắc đến Nam, đều cố gắng thực hiện lời Phật dạy là: lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha, đem lại lợi ích cho mọi nhà, quên mình, vì người khác (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 11, tr.315). Tôn trọng tự do tín ngưỡng của dân, Người khéo léo gắn bó Đạo với Đời, Đời với Đạo, tất cả vì quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi người dân. Người nói rõ, Phật pháp không xa rời thế gian, mọi người hãy tham gia cứu đói, diệt dốt (Hồ Chí Minh, 1990,

tr.166). Người theo tôn giáo hay không theo tôn giáo đều là công dân của nước Việt Nam, đều tham gia kháng chiến kiến quốc, đều thi đua yêu nước. Trong lời kêu gọi toàn dân tham gia phong trào Thi đua ái quốc, thực hành “Ba chủ nghĩa”: dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc.

Hồ Chí Minh am hiểu thấu đáo những tinh hoa tư tưởng phương Đông, đặc biệt là tư tưởng Trung Hoa cổ đại mà điển hình là Nho giáo. Trong Nho giáo, thời Xuân Thu chiến quốc, Quản Trọng đã từng nêu “đĩ nhân vi bản” - lấy dân làm gốc. Khổng Tử đề cao “nhân giả ái nhân” - yêu người. Mặc Tử đưa ra thuyết kiêm ái. Hồ Chí Minh trong triết lý về Nhân, về Dân và Dân chủ đã chỉ lưu giữ lại *cái hình thức*, dùng hình thức ấy để biểu đạt một nội dung mới, mang một hàm lượng tư tưởng mới về chất. Bằng cách đó, Hồ Chí Minh đã *cách mạng hóa* cả nhận thức lẫn hành động xung quanh chữ Nhân, chữ Dân và xác lập một quan niệm mác xít về Dân chủ nhưng hoàn toàn là cốt cách Hồ Chí Minh, phong cách và bản lĩnh Hồ Chí Minh, thể hiện chiều sâu triết lý và lấp lánh tinh thần minh triết Hồ Chí Minh.

Người nhấn mạnh, nhân nghĩa là nhân dân. Chúng ta quý trọng con người, nhất là công nhân và nông dân. Đó là vốn quý nhất của xã hội (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 8, tr.276; Tập 9, tr.373; Tập 10, tr.313-314). Người còn nói, phải biết quý trọng sức người, là vốn quý nhất của chúng ta (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 8, tr.276; Tập 9, tr.373; Tập 10, tr.313-314).

Trên lập trường giai cấp công nhân, khẳng định đó là giai cấp tiên tiến và cách mạng, thấm nhuần nguyên lý duy vật lịch sử trong triết học Marx và chủ nghĩa Marx, coi cách mạng là sự nghiệp

của quần chúng, quần chúng nhân dân làm nên lịch sử và quyết định lịch sử, Hồ Chí Minh nêu lên *triết lý tin dân, quý trọng dân và thương yêu nhân dân*. Trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng để giải phóng cho dân cũng như trong xây dựng, kiến thiết chế độ mới phải luôn luôn *chăm lo phát triển sức dân, bồi dưỡng sức dân và tiết kiệm sức dân*. Trong quản lý xã hội và trong thực hành lối sống đạo đức, văn minh phải coi *tiết kiệm là quốc sách*. Người từng căn dặn cán bộ đảng viên, những đầy tớ công bộc của dân đức tính tiết kiệm và thương dân, mỗi đồng tiền bát gạo mà chúng ta tiêu dùng đều từ mồ hôi nước mắt của dân làm ra. Thương dân thì phải tiết kiệm. Lãng phí là không thương dân. Tham ô là ăn cắp của dân, là có tội với dân, là kẻ thù của dân. Người chú trọng tình thương, sự cảm thông, chia sẻ trước những nỗi khổ đau của con người, của dân chúng.

Trong triết lý Hồ Chí Minh, đây là điều đặc biệt nổi bật. Người thường xuyên bận tâm, đau đầu nỗi lo trước tình trạng quan liêu, lãng phí, tham ô. Người vạch rõ, căn nguyên sâu xa của bệnh ấy là do xa dân, không tin dân, không thương dân. Phải thực hành hai chữ Dân chủ, chống lại thói hư tật xấu “quan chủ” và “lên mặt quan cách mạng” để chữa trị căn bệnh nguy hiểm đó. Người đòi hỏi mọi cán bộ đảng viên công chức phải gần dân, học dân, hỏi dân, hiểu dân, tin dân. Đề cao đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, thiếu một đức thì không thành người, Người thực hành sự nêu gương làm điều lợi cho dân, việc khó mấy cũng phải làm cho bằng được, tránh điều hại tới dân, dù chỉ một cái hại nhỏ. Có được dân tin, dân phục, dân yêu, dân ủng hộ, dân giúp đỡ, dân bảo vệ thì sự nghiệp cách

mạng mới thành công. Sự nghiệp ấy cũng chỉ vì dân. Đảng và Chính phủ tồn tại cũng chỉ để chăm lo lợi ích, mưu cầu hạnh phúc cho dân. Đó là điều căn bản nhất trong triết lý nhân sinh và hành động của Hồ Chí Minh, triết lý phát triển xã hội. Đó là triết lý Thân dân và Chính tâm. Ở đời thì phải thân dân, làm người thì phải chính tâm. Tiếp thu và nâng cao triết lý ấy của người xưa, Hồ Chí Minh đẩy tới triết lý Dân chủ và Đạo đức cách mạng như đã nói ở trên.

Hồ Chí Minh giải thích rằng, “theo ý nghĩa riêng của tôi thì hạt nhân đạo đức Nho giáo có thể tóm tắt trong 11 chữ: Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân. Nói tóm tắt thì điều đó có nghĩa là: minh đức là chính tâm. Thân dân là phục vụ nhân dân, đặt lợi ích của dân, vì dân lên trên hết” (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 6, tr.216).

Đem vào tư tưởng Thân dân và Chính tâm một nội dung mới, với quan điểm tư tưởng mới, Hồ Chí Minh nói rõ: nghĩ cho cùng, vấn đề tư pháp cũng như mọi vấn đề khác trong lúc này là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ, áp bức (*Hồ Chí Minh: Nhà nước và...*, 1990, tr.174).

Người đồng thời đề cập sự thực hành tư tưởng ấy ở bản thân mình và khẳng định: lòng thương yêu của tôi đối với nhân dân và nhân loại không bao giờ thay đổi (Võ Nguyên Giáp, 1997, tr.231-232).

Nét đặc sắc trong triết lý thân dân và chính tâm, triết lý nhân sinh và hành động, triết lý phát triển xã hội của Hồ Chí Minh là ở chỗ, thân dân không phải từ trên để đến với dân, gần dân nhưng dân vẫn chỉ là thân dân, thứ dân, thảo dân như các vua chúa thời

phong kiến - dù đó là những minh quân, vua sáng tối hiền có lòng thương yêu dân chúng hoặc như trong khuôn phép đạo Khổng, chia thứ bậc quân tử bề trên và tiểu nhân (tức là dân) ở bậc dưới. Người vượt qua được ý thức hệ phong kiến đẳng cấp ấy, Người cũng vượt qua ý thức hệ tư sản mà đứng vững trên lập trường cách mạng với ý thức hệ giai cấp công nhân, xác định rõ dân là chủ và dân làm chủ. Người đồng thời thực hành trong lối sống hàng ngày triết lý Dân chủ. Dân là người chủ, là chủ thể thì từ Chủ tịch nước đến các nhân viên, công chức, cán bộ trong bộ máy chỉ là đầy tớ, công bộc của dân. Cái gì tốt cho dân, cái gì lợi cho dân thì cái đó là chân lý. Phục vụ dân tận tụy và trung thành là phục tùng chân lý cao nhất. Làm đầy tớ công bộc của dân là thực hành một lẽ sống cao thượng nhất. Đây là một luận điểm điển hình cho sự thống nhất nhuần nhuyễn giữa triết lý và minh triết Hồ Chí Minh.

Do đó, đến với dân, gần dân của Hồ Chí Minh là hòa vào dân chúng, sống trong lòng dân, *thấu hiểu* và *thấu cảm* cuộc sống, nguyện vọng, tâm tình của dân, học dân, hỏi dân, kính trọng, lễ phép với dân, giúp đỡ dân, làm cho dân hiểu, dân tin về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, có như thế mới lãnh đạo được dân. Lãnh đạo dân cũng là để phục vụ dân, toàn tâm toàn ý vào công việc, tận tâm tận lực vì con người. Hồ Chí Minh đến với dân không có một khoảng cách phân biệt nào, đúng như Phạm Văn Đồng nhận xét “Hồ Chí Minh cao mà không xa”... Với dân, Người thân thiết, chân thành, cởi mở, tự nhiên, dường như *hóa thân vào dân chúng*, làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, có nhà ở, được học hành, được hưởng quyền tự do dân chủ

mà họ xứng đáng được hưởng với tư cách người chủ.

Chính tâm ở Hồ Chí Minh là cái tâm chính trực, động cơ trong sáng, quên mình, nêu cao đức hy sinh vì dân, đề cao trách nhiệm trước dân, có lỗi thì thành thật xin lỗi dân và quyết tâm sửa chữa, lại dựa vào dân để dân giúp đỡ, kiểm tra việc sửa chữa đó sao cho có kết quả. Người căn dặn cán bộ đảng viên như vậy, bản thân Người cũng làm như vậy. Đó là đạo đức cách mạng.

Người nhấn mạnh, thực hành dân chủ để làm cho dân ai ai cũng được hưởng quyền tự do, dân chủ (Hồ Chí Minh toàn tập, 1984, Tập 4, tr.256). Có phát huy Dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của dân đưa cách mạng tiến lên (Hồ Chí Minh, toàn tập, 2002, Tập 9, tr.592).

Muốn có dân chủ thực chất thì phải đoàn kết thực chất, *tinh thành* đoàn kết. Có Dân chủ và Đoàn kết mới tạo ra đồng thuận. Phải nghiêm trị những kẻ bất liêm để bảo vệ dân, làm cho dân giác ngộ, dân hiểu rõ đã có quyền làm chủ thì cũng phải thực hiện nghĩa vụ người chủ.

Phải làm công tác dân vận đúng và khéo, thật thà nhúng tay vào việc, miệng nói tay làm để cho dân tin, không hách dịch quan liêu, ngồi lì suốt ngày trong buồng giấy, chỉ tay năm ngón. Phải dân vận sao cho không bỏ sót một người nào, không phí phạm một khả năng nào, dù nhỏ nhất. Phải óc nghĩ, mắt nhìn, tai nghe, miệng nói, chân đi, tay làm (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 5, tr.698-700). Đó là Dân vận theo phong cách Dân chủ.

Người còn chỉ dẫn, cán bộ đảng viên phải suốt đời tu dưỡng đạo đức cách mạng. Người xưa còn biết tu thân. Đảng

viên cán bộ ta từ nhân dân mà ra, phải sống xứng đáng với nhân dân và Đảng anh hùng (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 12, tr.557).

Đảng viên mà không được dân tin, dân phục, dân yêu thì chưa xứng đáng là đảng viên (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 6, tr.190).

3. Trong triết lý phát triển xã hội, triết lý nhân sinh và hành động, theo nội dung Thân dân và Chính tâm, dân chủ và đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh tới *văn hóa ứng xử bao dung, nhân ái*. Bao dung nhân ái thể hiện tình thương yêu con người, là tình cảm cao quý chỉ có ở con người có nhân có nghĩa. Đó cũng là thái độ khoan dung văn hóa, là văn hóa khoan dung của Hồ Chí Minh.

Tình thương yêu con người với đồng bào trong dân tộc và đồng loại trong thế giới nhân loại của Hồ Chí Minh gắn liền với đức hy sinh, vị tha, với sự tôn trọng giá trị con người, với niềm tin vào sự chiến thắng của đạo đức, chính nghĩa. Theo Hồ Chí Minh, ở đời, con người là những con người đời thường, không phải thánh thần. Mỗi người đều có những cái hay, cái tốt và những cái dở, cái xấu. Phải làm sao cho cái hay, cái tốt nảy nở như hoa mùa xuân, cái dở, cái xấu thì mất dần đi rồi tới chỗ mất hẳn. Tình đồng loại và tính cộng đồng gắn kết con người lại với nhau, đối với con người phải có niềm tin và tình thương để thuyết phục và cảm hóa. Người nói, giống như bàn tay, có ngón dài ngón ngắn nhưng dài ngắn cũng đều trên cùng một bàn tay. Người xưa nói, nhân vô thập toàn. Không ai là không có khuyết điểm, nhược điểm nhưng khuyết điểm, nhược điểm đều có thể sửa chữa được để trở nên tốt đẹp hơn. Hồ Chí

Minh cho rằng, đã sống, đã làm việc thì đều có khuyết điểm. Chỉ có hai loại người là *chưa có* hoặc *không còn* khuyết điểm nữa. Đó là đứa trẻ chưa sinh, còn là cái thai trong bụng mẹ và người đã chết, đã nằm trong áo quan.

Phải nhìn nhận con người như thế để mà thể tất, bao dung trong thế ứng xử độ lượng, khoan hòa.

Ngay trong “Đường khách mệnh” (1927), Nguyễn Ái Quốc đã chỉ dẫn một phương châm sống: với mình phải nghiêm, với người thì rộng lòng khoan thứ.

Song khoan dung văn hóa ở Hồ Chí Minh không chỉ với nghĩa là độ lượng, khoan thứ mà còn mang ý nghĩa rộng lớn, sâu xa hơn, đó là *chấp nhận những khác biệt*, sự dung nạp những khác biệt, những tính đa dạng trong thống nhất, đó là văn hóa, miễn là những cái khác biệt ấy không làm phương hại tới cái chung, tới xã hội.

Khoan dung văn hóa đó cũng mang ý nghĩa dân chủ, dân chủ trong nhận thức và dân chủ trong lối sống. Ai ai cũng có quyền tự do thảo luận, tranh luận, tự do suy nghĩ, tự do tư tưởng... để cùng nhau tìm tòi chân lý. Khi chân lý đã tìm thấy rồi, quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý. Người đã diễn đạt quan hệ giữa tất yếu và tự do một cách sâu sắc khi nói tới Dân chủ, đặc biệt dân chủ trong khoa học, trong văn hóa tinh thần của giới trí thức sáng tạo.

Người suốt đời đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, đó là giặc nội xâm, một thứ giặc ở trong lòng nhưng không bao giờ xem nhẹ, phủ nhận cá nhân, chống chủ nghĩa cá nhân không có nghĩa là giẫm đạp lên cá nhân, dày xéo cá nhân. Không có cá nhân thì không thành xã hội. Người nhận thức rất rõ rằng, ai

cũng có nhu cầu riêng, cá tính, lợi ích, sở trường riêng. Nếu những cái đó không trái với xã hội thì không phải là xấu, không có gì phải chống lại mà phải chăm sóc, vun trồng cho nó phát triển. Người đề cao tự phê bình và phê bình nhưng cần dặn chúng ta, phê bình công việc chứ không được xúc phạm con người, bởi ai cũng là một cá nhân, một nhân cách. Phê bình phải có lý và có tình, thấu lý đạt tình, phải đúng và phải khéo. Đừng vì phê bình mà làm tổn thương tới lòng tự ái của người ta. *Trong tự ái, tự yêu lấy mình có phẩm chất của lòng tự trọng*. Không tự trọng chính mình thì không thể biết tôn trọng người đối thoại, người khác. Hiểu tự ái như vậy để hiểu mình, hiểu người, là cái chất nhân bản, nhân văn trong ứng xử với con người của Hồ Chí Minh. Đây cũng là minh triết Hồ Chí Minh.

Người chủ trương biến đại sự thành tiểu sự, biến tiểu sự thành ra vô sự. Phải có độ lượng vĩ đại thì mới có thể chí công vô tư. Sông to, bể rộng thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng của nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn thì chút nước cũng đầy tràn vì độ lượng của nó hẹp và nhỏ... (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 5, tr.279, 644). Chỉ sợ mình không có lòng bao dung nhân ái chứ không sợ người ta không theo mình.

Trong hoạt động, ta nhớ rằng, có lần người đi thăm trại tù binh, Người đã cởi cả áo khoác, cả khăn quàng cho những tù binh đang lên cơn sốt. Đó là chất nhân tình của Hồ Chí Minh.

Người đã từng nói, bọn đế quốc thực dân là một lũ ác quỷ, phải quét sạch nó đi. Song khi thấy những người lính thực dân đó chết trên chiến trường, Người cũng tỏ lòng ái ngại, ngậm ngùi, bởi nếu

không có những dã tâm xâm lược của thế lực nào đó thì họ không phải bỏ mạng sống ở miền đất xa lạ này. Họ cũng chỉ là nạn nhân mà thôi.

Đây là một trong những câu nói cảm động của Người: Tôi nghiêng mình trước linh hồn những chiến sĩ và đồng bào Việt Nam, đã vì Tổ quốc mà hy sinh tính mạng. Tôi cũng ngậm ngùi thương xót cho những người Pháp đã tử vong. Than ôi, trước lòng bác ái thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là người (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 4, tr.457).

Triết lý này của Người làm ta liên tưởng tới trải nghiệm của đời người và của loài người “nước mắt nào cũng có vị mặn, máu nào cũng là máu đỏ”.

Người không bao giờ gọi một trận đánh chết nhiều người là một trận đánh đẹp. Đó chỉ là đánh giết mà thôi. Đổ máu chỉ là bất đắc dĩ, không đổ máu, tránh đổ máu vẫn tốt hơn. Phải từ đây mà hiểu lòng nhân ái cao cả trong triết lý nhân sinh và hành động của Hồ Chí Minh. Đây là gốc rễ, nền tảng nhân văn của triết lý phát triển.

Thực hành triết lý nhân sinh và hành động, Hồ Chí Minh tỏ rõ một trí tuệ sáng suốt và một đạo đức cao cả, một lối sống cao thượng. Tự hào về dân tộc mình, Người nhấn mạnh, dân tộc ta là một dân tộc yêu hòa bình, trọng công lý và luôn luôn có tinh thần nhân đạo (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 4, tr.136).

Trong thư trả lời Georges Bidault, Thủ tướng Chính phủ Pháp đang xâm lược Việt Nam, Người nói rõ, sự thành thực và lòng tin cần lẫn nhau sẽ san phẳng hết thảy những trở ngại. Chúng ta chẳng đã ruồng bỏ được cái chủ nghĩa đế quốc xâm lược và cái chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi không còn thích hợp với thế giới hiện đại, với thế giới hiện tại đây ư?

Chúng ta đã được kích thích bởi một tinh thần triết lý đạo Khổng và triết lý phương Tây đều tán dương một nguyên tắc đạo đức “kỷ sở bất dục vật thi ư nhân” (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1996, Tập 4, tr.267).

Điều ấy nhất quán với tinh thần thông điệp mà ngay sau lễ tuyên bố độc lập 02/9/1945, Người gửi tới các tổng thống các nước phương Tây “Việt Nam mong muốn là bạn của tất cả các nước dân chủ. Việt Nam quyết không thù oán với một ai”. Nhân dân Việt Nam thiết tha mong muốn hòa bình nhưng phải là nền hòa bình thực sự trong độc lập tự do. Thà hy sinh tất cả chứ quyết không chịu làm nô lệ. Đó là những tuyên bố điển hình của Người trong thời kỳ kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân và đế quốc xâm lược. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chống chủ nghĩa thực dân mới, Người lại khẳng định một chân lý lớn của thời đại, của lịch sử “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Những năm tháng cuối đời, Người đau nỗi đau đời lớn nhất khi Tổ quốc còn chia cắt, khi miền Nam chưa được hoàn toàn giải phóng. Người ăn không ngon ngủ không yên khi nghĩ tới miền Nam và đồng bào miền Nam. “Miền Nam luôn ở trong trái tim tôi”. Vậy là triết lý phát triển xã hội, triết lý nhân sinh, hành động của Người mang tinh thần dân tộc và tâm thời đại, là đạo đức cao cả, làm bệ đỡ tinh thần cho chính trị liêm khiết, chính trị thanh khiết, đưa chính trị ấy thấm sâu vào đời sống dân gian.

Với bản thân Người, suốt một đời thực hành lý luận trong thực tiễn, thực hành Dân chủ, Dân vận, Đoàn kết và sâu xa, bao trùm tất cả và thực hành đạo đức cách mạng. Đó là năm thực hành lớn trong cuộc đời của Người, tỏ rõ triết lý phát triển, triết lý nhân sinh và

hành động của Người (Xem: Hoàng Chí Bảo, 2010). Suốt cuộc đời làm cách mạng, Người là biểu tượng đẹp đẽ về sự thống nhất giữa lời nói với việc làm, nêu gương mẫu mực cho mọi thế hệ người Việt Nam chúng ta.

Người không chỉ cần dặn tuổi trẻ phải có ý chí lớn, hoài bão lớn, ham học, ham làm, ham tiến bộ, phải ham làm việc lớn vì dân vì nước chứ đừng ham làm quan to. Tuổi trẻ phải tránh xa như tránh lửa những dục vọng địa vị, tiền bạc, danh vọng; những cái đó *nếu không làm chủ được* rất dễ sinh ra hư hỏng. Chính Người đã nêu gương thực hành điều đó, phải ít lòng tham muốn vật chất, không hiếu danh, không kiêu ngạo. Xem thường danh vị, ngôi thứ, tiền bạc vì chúng là cội nguồn sinh ra đổ ỵ và hận thù (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1995, Tập 2, tr.260, 450).

Người tự bực bực lòng mình với nhân dân, đồng bào yêu quý của Người: Tôi tuyệt nhiên không ham công danh phú quý chút nào. Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già, em nhỏ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi (Hồ Chí Minh, toàn tập, 1995, Tập 4, tr.161).

Cả đời, Người chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước nhà được độc lập, đồng bào có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, được học hành, được hưởng tự do và hạnh phúc.

Di chúc là bản tổng kết lớn của cách mạng, trong đó có cuộc đời và sự nghiệp của Người mà Người đã tự nguyện dâng hiến toàn vẹn, trọn vẹn cho Dân, cho nước. Người mong muốn khi ra đi được nằm trong Đất Mẹ, trên mả (mộ) không cần bia đá tượng đồng, chỉ cần làm một ngôi nhà để ai đến thăm Người thì có

chỗ nghỉ ngơi. Người cần dặn trồng cây làm kỷ niệm, chăm sóc cây chu đáo, trồng cây nào sống cây ấy, lâu ngày cây tốt thành rừng, vừa đẹp cho phong cảnh vừa lợi cho nông nghiệp. Người còn dặn, thi hài được đốt đi, nói chữ là hỏa táng, khi có nhiều điện thì điện táng sẽ thành phổ biến, hợp vệ sinh cho người sống, lại đỡ tốn *đất ruộng*. Người nghĩ tới nông dân cần có đất mà trồng lúa. Người còn dặn, tro thì chia vào ba hộp sành, dành cho mỗi miền một hộp. Đến thân thể, thi hài mình Người cũng không nghĩ về mình nữa. Mang tâm Phật và triết lý Phật giáo “vô ngã vị tha”, Hồ Chí Minh là như vậy. Tố Hữu viết “Sống là cho mà chết cũng là cho”. Triết lý nhân sinh và hành động của Hồ Chí Minh là triết lý sống để dâng hiến tất cả cho người, cho đời là như vậy. Đây là giá trị hướng đích của phát triển. Triết lý phát triển xã hội của Hồ Chí Minh là triết lý nhân sinh và hành động, trong cách mạng, trong Đổi mới để phát triển. Đó là sự phát triển với thước đo Nhân văn cao quý nhất, vì con người, cho con người, vì Dân tộc và Nhân loại mà Hồ Chí Minh kiến tạo và nêu gương thực hành. Giá trị và ý nghĩa thời đại của triết lý Hồ Chí Minh và di sản Hồ Chí Minh là ở đó. Người kế thừa Dân tộc và Nhân loại, Người kết tinh hồn thời đại, làm thăng hoa Dân tộc Việt Nam trong thời đại mới - thời đại độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Chí Bảo (2010), *Văn hóa Hồ Chí Minh - Giá trị và ý nghĩa*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: “Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay”, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

2. Võ Nguyên Giáp (1997), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
3. *Hồ Chí Minh, toàn tập*, Nxb. Sự thật, 1984, Hà Nội.
4. *Hồ Chí Minh, toàn tập*, Nxb. Sự thật, 1987, Hà Nội.
5. *Hồ Chí Minh, toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, 1996, Hà Nội.
6. *Hồ Chí Minh, toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2002, Hà Nội.
7. *Hồ Chí Minh: Bác Hồ với Thủ đô Hà Nội*. Nxb. Văn hóa thông tin, 1990, Hà Nội.
8. *Hồ Chí Minh: Nhà nước và Pháp luật*, Nxb. Pháp lý, 1990, Hà Nội.
9. Nguyễn Tài Thư (1996), *Vấn đề con người trong Nho học sơ kỳ*, Luận án Phó tiến sĩ, Viện Triết học.
10. Egon Krenz (2010), *Đánh mất lòng tin của dân - Sai lầm không thể cứu vãn*, tuanvietnam.vietnamnet.vn/2010-09-26-danh-mat-long-tin-cua-dan-sai-lam-khong-the-cuu-van+%&cd=1&hl=en&ct=clnk&gl=Vietnam, ngày 26/9.

(Tiếp theo trang 41)

4. Xuân Diệu (1971), *Bản cáo trạng cuối cùng trong Truyện Kiều*, trong: *Kỷ niệm 200 năm năm sinh Nguyễn Du (1765-1965)*, tái bản lần thứ hai, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Xuân Diệu (tái bản 2013), *Truyện Kiều trong văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Sài Gòn.
6. Cao Huy Đình (2005), *Triết lý đạo Phật trong Truyện Kiều*, trong cuốn: *200 năm nghiên cứu bàn luận Truyện Kiều*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
7. Thạch Trung Giả (1973), *Văn học phân tích toàn thư*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn.
8. Nhất Hạnh (2000), *Thả một bè lau - Truyện Kiều dưới cái nhìn thiền quán*, Lá Bối xuất bản.
9. Lê Đình Kỵ (1970), *Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực Nguyễn Du*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Lê Đình Kỵ (1986), *Hiểu đúng đắn Truyện Kiều*, Ban vận động thành lập hội văn nghệ Đồng Tháp.
11. Trần Bích Lan (1960), *Nguyễn Du trên những nẻo đường tự do*, Trong: *Chân dung Nguyễn Du*, Nxb. Nam Sơn, Sài Gòn.
12. Lê Xuân Lít (2005), *200 năm nghiên cứu bàn luận Truyện Kiều*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
13. Nguyễn Lộc (1976), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII, nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
14. Phan Ngọc (tái bản 2001), *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
15. Trần Đình Sử (tái bản 2002), *Thi pháp Truyện Kiều*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
16. Vũ Đình Trác (1993), *Triết lý nhân bản Nguyễn Du*, Hội Hữu xuất bản, California.